TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 82/2026/HS - ST Ngày 21 - 5 - 2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*:** Bà Đặng Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông: Lường Văn Tâm
Bà: Lò Thị Vinh

- Thư ký phiên toà: Bà Lò Thị Hòa - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 2- Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Thào A Sùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2- Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2026/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lò Văn T. Tên gọi khác: Không có tên gọi khác
Sinh năm 1987. Tại: Điện Biên
Nơi cư trú: Bản N, xã T, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Làm nông nghiệp; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn Ệ (đã chết) và con bà Lò Thị T1: Vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 30/8/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 07/7/2024; tiền sự: Không có. Nhân thân: Chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Mường Thanh thuộc Trại tạm giam Công An tỉnh Đ từ ngày 03/02/2026 đến ngày xét xử. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

* *Bị hại:* Chị Hà Thị T2, sinh năm 1989 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 01/02/2026, Lò Văn T đi xe đạp từ nhà đến Trung tâm y tế T3, tỉnh Điện Biên để uống Methadone. Trên đường đi do trước đó T biết nhà chị Hà Thị T2 có để nhiều bao phế liệu nhôm, đồng, liền nẩy sinh ý định trộm cắp. T đi xe đến nhà chị Hà Thị T2 để xe ở ngoài rồi đi bộ theo rãnh nước quan sát xung quanh thấy không có người, T trèo lên cây nhãn sát tường nhà rồi trèo lên mái tôn nhà chị T2 dùng tay phải bám vào cành cây nhãn và cúi người xuống, dùng tay trái thò xuống lấy ở cạnh tường rào phía trong nhà chị T2 01 bao tải xác rắn màu xanh, bên trong có nhôm và đồng phế liệu, rồi mang ra khu vườn trồng bí cách đó 42,6 m cất giấu, để khi nào vắng người thì quay lại mang đi bán. Lấy xong, T lấy xe đạp rồi đi đến Trung tâm y tế T3. Sáng ngày 01/02/2026, chị T2 phát hiện T lấy trộm tài sản của mình qua Camera an ninh của gia đình, nên đã đến Công an xã T, tỉnh Điện Biên trình báo. Cùng ngày, Công an xã T, tỉnh Điện Biên đã triệu tập T đến trụ sở Công an xã T làm việc, T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL - HĐĐGTS ngày 02/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND xã T, tỉnh Điện Biên kết luận: Nhôm phế liệu 17,6 kg x đơn giá 38.000 đồng/1kg = 668.800 đồng; đồng phế liệu 9,4 kg x đơn giá 270.000 đồng/1kg = 2.538.000 đồng. Tổng trị giá 3.206.800 đồng

Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSKV2 ngày 21/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị hại Hà Thị T2 xin xét xử vắng mặt và đề nghị: Về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại được tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự, bị hại đề nghị HĐXX xét xử bị cáo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"*. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2025; Điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ Luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 08 tháng đến 01 năm tù.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Bằng việc lợi dụng vào sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu. Khoảng 09 giờ ngày 01/02/2026, bị cáo Lò Văn T đã có hành vi lén lút, bí mật thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị Hà Thị T2 gồm 17,6 kg nhôm và 9,4 kg đồng phế liệu.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận hành vi của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; các chứng cứ có trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL - HĐĐGTS ngày 02/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của UBND xã T, tỉnh Điện Biên kết luận. Tổng giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 3.206.800 đồng thì hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Cáo trạng của VKSND khu vực 2 - Điện Biên truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét về năng lực trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra. Bị cáo thực hiện tội phạm do lỗi cố ý trực tiếp.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến nền trật tự trị an, an toàn trong xã hội, đồng thời trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo sinh ra và lớn lên tại Điện Biên. Ngày 30/8/2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2-Điện Biên) xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày

07/7/2024 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Bản án này chưa được xóa án tích mà bị cáo lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, có thái độ ăn năn hối cải. Sau khi bị cáo đã thực hiện được hành vi trộm cắp tài sản, cùng ngày cơ quan điều tra đã thu giữ được toàn bộ tài sản và trả lại cho bị hại nên chưa gây thiệt hại về tài sản. Vì vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại" và "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" theo quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

[5] Sau khi xem xét về hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: HĐXX xét thấy, bị cáo là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là hình phạt tù có thời hạn theo quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù từ 08 tháng đến 01 năm tù là phù hợp với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xong xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không có khả năng thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu gì đối với bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về vật chứng: Gồm 17,6 kg nhôm; 9,4 kg đồng phế liệu và 01 bao xác rắn, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại theo biên bản trả lại tài sản ngày 19/3/2026. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với chiếc xe đạp màu xanh, bị cáo mượn của bà Lò Thị T1, trú tại bản N, xã T, tỉnh Điện Biên, bà T1 không biết việc bị cáo sử dụng chiếc xe đạp để đi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 20/3/2026 cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe đạp cho bà Lò Thị T1 là phù hợp. HĐXX chấp nhận.

[9] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó,

các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm h, s Khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (Một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 03/02/2026).

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 BLTTHS, Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/5/2026); bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND KV2- Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04;PV06;
- Phân trại tạm giam Mường Thanh;
- Bị cáo; bị hại; người có QL,NVLQ;
- T.H.A Dân sự tỉnh Điện Biên;
- T.H.A HS; Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Thùy Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA	HỘI THẨM NHÂN DÂN
Lường Văn Tâm	*Đặng Thị Thùy Dương*	*Lò Thị Vinh*

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND KV2- Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC04;PV06;
- Phân trại tạm giam Mường Thanh;
- Bị cáo; bị hại; người có QL,NVLQ;
- T.H.A Dân sự tỉnh Điện Biên;
- T.H.A HS; Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ